TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 3 - 2020
V/v tranh chấp
"Ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải An.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Đổi

Ông Nguyễn Thanh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 và giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Giang S, sinh năm 1991. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 15 tháng 01năm 2020 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Giang S chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bình Thuận. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2019 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống không phù hợp, anh S ghen tuông, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, dù đã cố gắng khắc phục nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Giang S.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh S có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Giáng N, sinh ngày 03/11/2015 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 20/8/2019; khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Nguyễn Giang S trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị H về thời gian chung sống; điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn; và con chung. Cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, có thể khắc phục được. Hiện nay vợ chồng anh vẫn còn chung sống chung nhà, chưa ly thân.

Nay, chị H xin ly hôn anh không đồng ý, vì anh còn tH vợ và muốn được hàn gắn để cùng chăm sóc con.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Giáng N, sinh ngày 03/11/2015 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 20/8/2019. Hai con vẫn đang sống với vợ chồng anh. Trong trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thanh Giáng N, để chị H nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh Q; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục nhưng kết quả hòa giải không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Giang S; anh S hiện đang tạm trú tại ấp R, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Giang S chung sống với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bình Thuận nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Tại phiên tòa, chị H trình bày mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên kiên quyết ly hôn. Ngược lại, anh S không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, chị H và anh S đều trình bày trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn lại không được gia đình hai bên và chính quyền địa pH giải quyết.

Chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể tiếp tục chung sống nhưng không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh trong khi anh S xác định mâu thuẫn vợ chồng không lớn, có thể khắc phục được; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H cũng không xuất trình được căn cứ cho thấy "vợ, chồng có hành vi bạo lực hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"; trong khi hiện nay anh chị vẫn còn sống chung nhà với nhau, cùng nhau chăm sóc cho con chung. Tại phiên tòa, anh S cũng có thiện chí muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng chăm sóc cho 02 con chung vì 02 con chung còn nhỏ tuổi.

Từ phân tích trên, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh S là không có căn cứ, không phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng: Chị H và anh S thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Giáng N, sinh ngày 03/11/2015 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 20/8/2019. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H nên không xem xét về con chung và cấp dưỡng.

[5]. Về tài sản chung: Chị H và anh S thống nhất trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị H và anh S thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 267, 273, 483, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56 Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Giang S về việc "Ly hôn".

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004516 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hải An